TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST
Ngày 19 – 10 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Võ Thị B; vợ Nguyễn Thị H và 02 người con sinh (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1/ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 2002 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 19/01/2004 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M là người không có nghề nghiệp ổn định. Do nợ tiền vay bên ngoài nhưng không có khả năng trả nợ nên M đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách đến cửa hàng vật tư nông nghiệp hỏi mua vật tư với hình thức ghi nợ, sau đó bán lại cho người khác để lấy tiền sử dụng, cụ thể như sau:

Ngày 20/12/2018 (nhằm ngày 14/11/2018 âm lịch), Nguyễn Văn M được anh Trần Văn Đ là bạn của M giới thiệu đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Lộc Chính do ông Trần Thanh L ngụ ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long làm chủ để mua vật tư nông nghiệp. M đến gặp ông L đưa ra thông tin gian dối là mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng cho 23 công (23.000m^2) ruộng lúa và 10 công (10.000m^2) vườn trồng bưởi, hình thức ghi nợ hẹn đến mùa thu hoạch (khoảng 04 tháng sau) sẽ thanh toán tiền. Ông L tin tưởng là thật nên đã đồng ý bán thiếu cho M gồm phân bón "U", thuốc trừ sâu "Emaben", thuốc trừ bệnh "Tigon", thuốc trừ cỏ... với tổng trị giá là 5.284.000 đồng.

Sau khi mua được vật tư nông nghiệp tại cửa hàng ông L thì ông L cho nhân viên là anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1981 ngụ ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vận chuyển số vật tư nông nghiệp đến thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để giao cho M. Sau đó, M đã bán số vật tư nông nghiệp cho những người nông dân thuê đất canh tác trồng khoai ở huyện B, tỉnh Vĩnh Long với giá thấp hơn cửa hàng để lấy tiền sử dụng, những người mua vật tư của M thì M không biết rõ họ tên, địa chỉ. Số tiền có được từ việc bán vật tư nông nghiệp, M đã sử dụng trả nợ tiền vay và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 21/12/2018 (nhằm ngày 15/11/2018 âm lịch), Nguyễn Văn M tiếp tục đến cửa hàng của ông L để mua vật tư nông nghiệp gồm phân đạm "U", thuốc "Cantanil", thuốc "Anvil"... với tổng trị giá 4.588.000 đồng. Anh Nguyễn Văn G vận chuyển vật tư nông nghiệp giao cho M thì M bán lại cho người khác để lấy tiền sử dụng.

Nguyễn Văn M tiếp tục nhiều lần mua vật tư nông nghiệp và thỏa thuận với ông L sẽ tự vận chuyển về thì được ông L đồng ý. M kêu 02 con ruột tên Nguyễn Tiến D và Nguyễn Tiến Đ1 điều khiển xe máy chở vật tư nông nghiệp

từ cửa hàng của ông L về xã T, thị xã B rồi sau đó M bán lại lấy tiền sử dụng. Cụ thể gồm:

- Ngày 24/12/2018 (nhằm ngày 18/11/2018 âm lịch) M mua với số tiền 7.595.000 đồng.

- Ngày 26/12/2018 (nhằm ngày 20/11/2018 âm lịch) M mua với số tiền 5.495.000 đồng.

- Ngày 28/12/2018 (nhằm ngày 22/11/2018 âm lịch) M mua với số tiền 9.490.000 đồng.

- Ngày 30/12/2018 (nhằm ngày 24/11/2018 âm lịch) M mua với số tiền 7.900.000 đồng.

- Ngày 04/01/2019 (nhằm ngày 29/11/2018 âm lịch) M mua với số tiền 12.223.000 đồng.

- Ngày 05/01/2019 (nhằm ngày 30/11/2018 âm lịch) M mua với số tiền 7.990.000 đồng.

- Ngày 08/01/2019 (nhằm ngày 03/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 9.950.000 đồng.

- Ngày 11/01/2019 (nhằm ngày 06/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 13.655.000 đồng.

- Ngày 15/01/2019 (nhằm ngày 10/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 15.940.000 đồng.

- Ngày 19/01/2019 (nhằm ngày 14/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 4.175.000 đồng.

- Ngày 22/01/2019 (nhằm ngày 17/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 19.925.000 đồng.

- Ngày 26/01/2019 (nhằm ngày 21/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 9.660.000 đồng.

- Ngày 27/01/2019 (nhằm ngày 22/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 9.960.000 đồng.

- Ngày 31/01/2019 (nhằm ngày 26/12/2018 âm lịch) M mua với số tiền 9.710.000 đồng.

- Ngày 08/02/2019 (nhằm ngày 04/01/2019 âm lịch) M mua với số tiền 8.900.000 đồng.

- Ngày 12/02/2019 (nhằm ngày 08/01/2019 âm lịch) M mua với số tiền 14.205.000 đồng.

- Ngày 01/03/2019 (nhằm ngày 25/01/2019 âm lịch) M mua với số tiền 8.820.000 đồng.

- Ngày 03/03/2019 (nhằm ngày 27/01/2019 âm lịch) M mua với số tiền 12.220.000 đồng.

- Ngày 07/03/2019 (nhằm ngày 02/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 5.560.000 đồng.

- Ngày 11/03/2019 (nhằm ngày 06/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 7.130.000 đồng.

- Ngày 14/03/2019 (nhằm ngày 09/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 9.200.000 đồng.

- Ngày 15/03/2019 (nhằm ngày 10/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 7.680.000 đồng.

- Ngày 18/03/2019 (nhằm ngày 13/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 7.360.000 đồng.

- Ngày 19/03/2019 (nhằm ngày 14/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 4.200.000 đồng.

- Ngày 21/03/2019 (nhằm ngày 16/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 10.785.000 đồng.

- Ngày 25/03/2019 (nhằm ngày 20/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 3.790.000 đồng.

- Ngày 30/03/2019 (nhằm ngày 25/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 40.235.000 đồng.

- Ngày 04/04/2019 (nhằm ngày 30/02/2019 âm lịch) M mua với số tiền 25.885.000 đồng.

- Ngày 05/04/2019 (nhằm ngày 01/03/2019 âm lịch) M mua với số tiền 7.000.000 đồng.

- Ngày 11/04/2019 (nhằm ngày 07/03/2019 âm lịch) M mua với số tiền 27.870.000 đồng.

- Ngày 26/04/2019 (nhằm ngày 22/03/2019 âm lịch) M mua với số tiền 4.680.000 đồng.

- Ngày 03/05/2019 (nhằm ngày 29/03/2019 âm lịch) M mua với số tiền 2.920.000 đồng.

- Ngày 06/05/2019 (nhằm ngày 02/04/2019 âm lịch) M mua với số tiền 17.200.000 đồng.

- Ngày 13/05/2019 (nhằm ngày 09/04/2019 âm lịch) M mua với số tiền 16.425.000 đồng.

- Ngày 14/05/2019 (nhằm ngày 10/04/2019 âm lịch) M mua với số tiền 500.000 đồng.

- Ngày 17/05/2019 (nhằm ngày 13/04/2019 âm lịch) M mua với số tiền 18.600.000 đồng.

- Ngày 25/8/2019 (nhằm ngày 28/7/2019 âm lịch) M mua với số tiền 78.151.000 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Văn M mua vật tư nông nghiệp của ông Trần Thanh L là 492.856.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Trong các lần mua vật tư nông nghiệp, để tạo lòng tin cho ông Trần Thanh L thì Nguyễn Văn M đã trả tiền nợ cho ông L 03 lần với số tiền là 71.760.000 đồng. Cụ thể: Ngày 30/3/2019 (nhằm ngày 25/02/2019 âm lịch) M đã trả số tiền 49.000.000 đồng, ngày 08/6/2019 (nhằm ngày 10/5/2019 âm lịch) M đã trả số tiền 5.000.000 đồng và ngày 08/7/2019 (nhằm ngày 10/6/2019 âm lịch) M đã trả số tiền 17.760.000 đồng. Tính đến ngày 25/8/2019 (nhằm ngày 28/7/2019 âm lịch) Nguyễn Văn M còn nợ ông L số tiền là 421.096.000 đồng. Đến hạn thanh toán, ông L yêu cầu M thanh toán tiền nợ thì M không có khả năng trả và xin hẹn lần sau. Ông L tiếp tục đến nhà của M để đòi tiền và hỏi thăm xung quanh thì biết được bản thân M không có ruộng lúa và vườn bưởi như M đã giới thiệu, cũng không thuê mướn đất của ai để canh tác mà mua vật tư nông nghiệp về để bán lại cho người khác lấy tiền sử dụng. Ngày 04/01/2022 ông L đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo.

Ngày 07/3/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn văn M1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKSTB ngày 26/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Thanh L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn M bồi thường số tiền nợ gốc còn lại là 421.096.000 đồng, đồng thời tính lãi từ tháng 11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 100.000.000 đồng. Bị cáo M đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bị hại Trần Thanh L.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T1) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo M đồng ý bồi thường cho bị hại ông Trần Thanh L tổng số tiền là 521.096.000 đồng, trong đó nợ vốn là 421.096.000 đồng, nợ lãi là 100.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Không có ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/12/2018 (nhằm ngày 14/11/2018 âm lịch) đến ngày 25/8/2019 (nhằm ngày 28/7/2019 âm lịch) tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Văn M có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối với ông Trần Thanh L để mua thiếu vật tư nông nghiệp của ông L nhằm mục đích bán lại lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng số vật tư nông nghiệp mà Nguyễn Văn M chiếm đoạt của ông L có giá trị là 492.856.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo không chịu chí thú làm ăn. Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo

trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[2.3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản hai lần và giá trị tài sản trong từng lần đều đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo M đồng ý trả cho bị hại ông Trần Thanh L tổng số tiền là 521.096.000 đồng, trong đó nợ vốn là 421.096.000 đồng, nợ lãi là 100.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2.1 Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn M đồng ý bồi thường cho bị hại ông Trần Thanh L tổng số tiền tổng số tiền là 521.096.000 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng), trong đó nợ vốn

là 421.096.000 đồng (Bốn trăm hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng), nợ lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong số tiền vốn phải thi hành thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền vốn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 24.843.840 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo